TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 281/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 10/5/2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Võ Việt Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Thị Thu Thuỷ và Ông Mai Minh Chánh

-Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Mai –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Vũ -Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 118/2024/TLST.HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2024, việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 180/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 226/2024/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, giữa:

1.Nguyên đơn: Ông Trần Văn K, sinh năm 1992.

Địa chỉ: tổ A, ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang.

Ông Trần Văn K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2.Bị đơn: Bà Trần Thị Trúc L, sinh năm 1995. Vắng mặt.

Địa chỉ: tổ D, ấp L, xã T, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**.Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Trần Văn K trình bày và có ý kiến như sau:*

Về hôn nhân: Giữa ông Trần Văn K và bà Trần Thị Trúc L do gia đình mai mối và tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2013, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số: 115/HT, quyển số: 01/2013 ngày 05 tháng 12 năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện A, tỉnh An Giang. Sau khi kết hôn

vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, thường xuyên cự cải, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cả hai không có tiếng nói chung, mặc dù cả hai đã nhiều lần tìm cách hàn gắn nhưng vẫn không khắc phục được và vợ chồng đã ly thân từ cuối năm 2016 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm của vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Trần Văn K yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Trần Thị Trúc L.

Về con chung: Không có nên ông Trần Văn K và bà Trần Thị Trúc L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên ông Trần Văn K và bà Trần Thị Trúc L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*.Bị đơn bà Trần Thị Trúc L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không có mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán cho đến việc diễn biến tại phiên tòa của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh trụng. Tòa án nhân dân huyện Châu Phú nhận định:

[2] *Về tố tụng*: Phiên tòa được mở lần thứ hai nhưng nguyên đơn ông Trần Văn K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ghi ngày 29/3/2024, với nội dung đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông Trần Văn K. Bà Trần Thị Trúc L đã được Tòa án triệu tập dự phiên tòa đúng theo quy định Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nhưng bà Trần Thị Trúc L vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Trần Văn K và bà Trần Thị Trúc L.

[3] *Về hôn nhân*: Giữa ông Trần Văn K và bà Trần Thị Trúc L là hôn nhân hợp pháp bởi ông bà có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân.

Xem xét yêu cầu ly hôn của ông Trần Văn K, Hội đồng xét xử nhận thấy trong cuộc sống vợ chồng của ông bà đã không còn hạnh phúc, do một bên không còn tình cảm, đã có khoảng thời gian ly thân, cả hai có những mâu thuẫn mà không thể hàn gắn được do giữa ông bà không có sự cảm thông cho nhau. Trong quá trình

Tòa án xem xét giải quyết vụ án, bà Trần Thị Trúc L không đến Tòa án tham dự phiên hòa giải, phiên tòa thể hiện chưa có sự quan tâm đối với yêu cầu ly hôn của ông Trần Văn K. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân của ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, yêu cầu ly hôn của ông Trần Văn K là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, ông Trần Văn K được ly hôn với bà Trần Thị Trúc L.

[4] *Về nuôi con chung*: Không có nên ông Trần Văn K và bà Trần Thị Trúc L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung:* Ông Trần Văn K trình bày giữa ông và bà Trần Thị Trúc L về tài sản chung và nợ chung là không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay do không có mặt của bà Trần Thị Trúc L để đối chất làm rõ các mối quan hệ này nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết. Nếu đương sự có tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

[6] *Về án phí:* Ông Trần Văn K là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 143, khoản 4 Điều 147, Điều 179, Điều 186, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Trần Văn K và bà Trần Thị Trúc L.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 115/HT, quyển số: 01/2013 ngày 05 tháng 12 năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện A, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2.Về nuôi con chung: Không có nên ông Trần Văn K và bà Trần Thị Trúc L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

3.Về tài sản chung và nợ chung: Ông Trần Văn K trình bày giữa ông và bà Trần Thị Trúc L về tài sản chung và nợ chung là không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

4.Về án phí: Ông Trần Văn K phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005361 ngày

11 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Ông Trần Văn K đã nộp đủ.

5.Về quyền kháng cáo: Ông Trần Văn K và bà Trần Thị Trúc L vắng mặt, thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Phú;
- Chi Cục THADS huyện Châu Phú;
- UBND xã Thạnh Mỹ Tây và UBND xã Vĩnh Hậu, huyện An Phú;
- Lưu hồ sơ, Vp./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Võ Việt Nam

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Minh Chánh **Trương Thị Thu Thuỷ** **Nguyễn Võ Việt Nam**